|  |  |
| --- | --- |
|  UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠNSố: /2024/QĐ-UBND  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**  *Bắc Kạn, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn thông qua tổ chức dịch vụ chi trả**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số*[*02/2021/TT-BLĐTBXH*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/thong-tu-02-2021-tt-bldtbxh-huong-dan-nghi-dinh-20-2021-nd-cp-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-478912.aspx)*ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số*[*20/2021/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-20-2021-nd-cp-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx)*ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định chính mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;*

 *Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số .../TTr-LĐTBXH ngày / /2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

 **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn thông qua tổ chức dịch vụ chi trả.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tại cộng đồng theo quy định Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác theo quy định Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

b) Tổ chức dịch vụ chi trả.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Chính sách trợ giúp xã hội chi trả qua tổ chức dịch vụ chi trả**

1. Chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng.

2. Chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp đối với các hỗ trợ bằng tiền và trợ giúp xã hội một lần.

**Điều 3. Phương thức, mức phí chi trả và kinh phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả**

 1. Phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả cho tất cả các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn khác hưởng chính sách trợ giúp xã hội và hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh (bao gồm chi trả tại điểm chi trả và chi trả tại nhà cho các đối tượng không đi lại được hoặc không có người ủy quyền nhận thay trợ cấp hoặc chi trả qua tài khoản).

2. Mức phí chi trả: Mức phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả tối đa bằng 1,05% trên tổng số tiền chi trả cho đối tượng.

3. Kinh phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội theo phân cấp ngân sách của các địa phương.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

 b) Cập nhật, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

c) Theo dõi, thanh tra, kiểm tra công tác chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh; xử lý theo thẩm quyền, hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm các sai phạm trong quá trình thực hiện chi trả (nếu có).

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động-TB&XH tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội theo phân cấp ngân sách; hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn; thương thảo, ký kết hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả đảm bảo theo quy định tại Điều 34 Nghị định số [20/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-20-2021-nd-cp-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx) ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Bố trí kinh phí thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội và chỉ đạo các phòng chuyên môn liên quan và tổ chức dịch vụ chi trả thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

c) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả theo Quyết định này trên địa bàn.

d) Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn; giải quyết các ý kiến phản ảnh, khiếu nại liên quan đến công tác chi trả theo thẩm quyền; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các sai phạm trong quá trình thực hiện chi trả (nếu có).

4. Tổ chức dịch vụ chi trả

 a) Ký kết hợp đồng với cơ quan chức năng của cấp huyện để thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội theo quy định.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức tuyên truyền về chi trả chính sách trợ giúp xã hội và tạo điều kiện thuận lợi để đối tượng nhận chính sách trợ giúp xã hội qua tài khoản.

c) Xây dựng phương án chi trả; đảm bảo các điều kiện cần thiết về cơ sở hạ tầng, nhân lực, kỹ thuật để thực hiện chi trả cho các đối tượng thụ hưởng.

d) Thực hiện thanh quyết toán kinh phí liên quan đến chi trả đảm bảo theo quy định; phối hợp với các cơ quan chuyên môn của cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong việc giải quyết các kiến nghị, khiếu nại của người dân trong việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng ..... năm 2024. Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn thông qua tổ chức dịch vụ chi trả hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|   ***Nơi nhận:***- Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội (báo cáo);- Bộ Tài chính (báo cáo); - Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo); - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (báo cáo); - Chủ tịch UBND tỉnh; - Các PCT UBND tỉnh; - Ủy ban MTTQVN tỉnh;- Như khoản 2 Điều 5;- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- Lưu: VT, LĐVP. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNKT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH** **Phạm Duy Hưng** |